TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2026/QĐST - HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1981; Căn cước số: 0370810146xx cấp ngày 27/02/2026, nơi cấp Bộ Công an;

Nơi ĐKHKTT: Xóm 13, xã Lai Thành, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở: Tổ 44F, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993; Căn cước công dân số: 0371930038xx cấp ngày 04/04/2024, nơi cấp Cục QLHC về TTXH;

Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con:

- *Về con chung:* Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T thoả thuận: giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2020 cho chị Bùi Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về con riêng:*

+ Anh Trần Văn L có 03 con riêng là cháu Trần Thị Hoài T1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2004, cháu Trần Trung T2, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2008 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2013, các cháu là con riêng của anh L nên anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Chị T xác nhận không có con riêng, hiện chị T cũng đang không mang thai nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Minh H cho chị Bùi Thị T hàng với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 đến khi cháu Trần Minh H thành niên.

Kể từ ngày chị Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Trần Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn L nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và nộp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí anh đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án: BLTU/26 số 3890 ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình.
- UBND Phường Y, tỉnh Ninh Bình.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Vũ Nhật Trung